

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MINH HOÁ  
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 55/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 29/8/2024

“V/v tranh chấp ly hôn,  
nuôi con chung và vay chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông: Đinh Hồng Sâm

Bà: Cao Thị Thu Nga

*- Thư ký phiên toà:* Ông Đinh Bá Thi – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Đinh Thị Thanh Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST - HNGĐ ngày 22/3/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung và vay chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị V**, sinh năm 1992

Nơi cư trú: **Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình**. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Hồ C**, sinh năm 1979

Nơi cư trú: **Bản L, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình**. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn **Hồ Thị V** trình bày giữa chị và anh **Hồ C** đã đăng ký kết hôn ngày 31/5/2017 tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu

chung sống hạnh phúc, sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân với nhau. Vì vậy chị **V** làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **C**.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu **Hồ Kiên D**, sinh ngày 06/12/2012 và cháu **Hồ Thị Hoài G**, sinh ngày 14/7/2015. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị **V** là được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng.

Tài sản chung: Không có.

Khoản vay chung: Chị **V** và anh **C** vay tại **Ngân hàng C2** số tiền 48.000.000 đồng và lãi phát sinh. Nếu ly hôn giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn anh **Hồ C** quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đều vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

*Tại bản tự khai, tại phiên hoà giải và tại phiên tòa hôm nay người được uỷ quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông **Nguyễn Tất T** trình bày: chị **V** và anh **C** vay tại ngân hàng số tiền gốc 45.000.000 đồng và lãi phát sinh 97.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 45.597.000 đồng, tại khế ước vay số 6600000710478854 ngày 14/6/2017 theo chương trình cho vay hộ nghèo làm nhà ở và khế ước vay số 6600000727640013 ngày 23/02/2024 theo chương trình cho vay hộ nghèo. Anh chị đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với khoản vay. Nếu anh chị ly hôn ngân hàng đề nghị Tòa án chia đôi khoản vay, mỗi người có trách nhiệm trả một nửa để đảm bảo thu hồi vốn cho nhà nước trước khi ly hôn. Trường hợp nếu thỏa thuận một trong hai người trả vay thì giao người đó trả khoản vay trên.*

Ngày 14/8/2024, Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị **V** và anh **C**. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng anh **C** vẫn vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh **C** vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh **C** nhiều lần nhưng anh **C** không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Hiện nay anh **C** có hộ khẩu thường trú tại **xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình** nhưng cố tình giấu địa chỉ không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh **C** vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị **V**.



Ngày 02/7/2024 chị **V** viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do không có điều kiện để tham gia phiên tòa và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt của chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị **V** là hợp lệ và tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị **V**.

Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hồ Thị V** và anh **Hồ C** đã đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của chị **V** xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị **Hồ Thị V** được ly hôn anh **Hồ C**.

[3] Về con chung: Chị **V** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con, hiện nay cháu đang ở với mẹ và các cháu đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị **V** được trực tiếp nuôi dưỡng **Hồ Kiên D**, sinh ngày 06/12/2012 và cháu **Hồ Thị Hoài G**, sinh ngày 14/7/2015, anh **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi cháu đến khi các cháu tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét

[5] Khoản vay chung: chị **V** và anh **C** vay tại ngân hàng số tiền gốc 45.500.000 đồng và lãi phát sinh 97.000 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 45.597.000 đồng, tại khế ước vay số 6600000710478854 ngày 14/6/2017 theo chương trình cho vay hộ nghèo làm nhà ở tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 22.530.000 đồng và lãi phát sinh là 30.000 đồng và khế ước vay số 6600000727640013 ngày 23/02/2024 theo chương trình cho vay hộ nghèo tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 23.000.000 đồng và lãi phát sinh là 67.000 đồng. Xét thấy đây là khoản vay chung của hai vợ chồng. Chị **V** là người đứng tên vay còn anh **C** là người thừa kế. Xét thấy đây là khoản vay chung của hai vợ chồng nên buộc chị **V** và anh **C** phải có nghĩa vụ trả khoản vay trên. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của chị **V** đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật về phía anh **C1** không trực tiếp đến tòa án để giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của **Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2** trình bày nếu chị **V** và anh **C1** ly hôn thì chia đôi khoản vay trên để trả cho Ngân hàng. Quá trình thực hiện khoản vay tính đến ngày 29/8/2024 chị **V** và anh **C** còn nợ ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tại hai khế ước vay số tiền là 45.597.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận

thấy đây là nghĩa vụ chung nên buộc chị **V** và anh **C** phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ mỗi người một khế ước vay là hợp lý. Buộc chị **V** có nghĩa vụ trả khế ước vay số 6600000727640013 ngày 23/02/2024 theo chương trình cho vay hộ nghèo tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 23.000.000 đồng và lãi phát sinh là 67.000 đồng và giao anh **C** có nghĩa vụ trả khế ước vay số 6600000710478854 ngày 14/6/2017 theo chương trình cho vay hộ nghèo làm nhà ở tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 22.530.000 đồng và lãi phát sinh là 30.000 đồng.

[6] Án phí: Chị **Hồ Thị V** và anh **Hồ C** thuộc diện hộ nghèo có giấy xác nhận của UBND xã và có đơn xin miễn án phí nên hội đồng xét xử chấp nhận đề miễn án phí cho chị **V** và anh **C**.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 37, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho **Hồ Thị V** được ly hôn anh **Hồ C**.

2. Về con chung: Xử giao cho chị **Hồ Thị V** được trực tiếp nuôi dưỡng cháu **Hồ Kiên D**, sinh ngày 06/12/2012 và cháu **Hồ Thị Hoài G**, sinh ngày 14/7/2015, anh **C** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi cháu đến khi các cháu tròn 18 tuổi, việc cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về vay chung: Giao cho chị **V** có nghĩa vụ trả khế ước vay số 6600000727640013 ngày 23/02/2024 theo chương trình cho vay hộ nghèo tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 23.000.000 đồng và lãi phát sinh là 67.000 đồng, tổng cộng 23.067.000 đ (hai mươi ba triệu không trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) và giao anh **C** có nghĩa vụ trả khế ước vay số 6600000710478854 ngày 14/6/2017 theo chương trình cho vay hộ nghèo làm nhà ở tính đến ngày 29/8/2024 dư nợ gốc là 22.530.000 đồng và lãi phát sinh là 30.000 đồng, tổng cộng 22.530.000đ (hai mươi hai triệu năm trăm ba mươi ngàn đồng).

4. Về án phí: Chị **Hồ Thị V** và anh **Hồ C** thuộc diện hộ nghèo có giấy xác nhận của UBND xã và có đơn xin miễn án phí nên hội đồng xét xử chấp nhận đề miễn án phí cho chị **V** và anh **C**.



5. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Trọng Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Quốc Hoàn**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**1. Trương Ngọc Nhân**

**2. Lê Minh Toàn**

